

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HOÀ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **34/2022/DS-ST**

Ngày 23/5/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường

2/ Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Dương Thị Huệ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:* Ông Lê Đình Duy- Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 165/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân Đ; Địa chỉ: Phố L, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn T- Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn D- Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Đ (Văn bản ủy quyền ngày 09/9/2021)- Có mặt.

- *Bị đơn:* 1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1981- Vắng mặt.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1983- Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2021, kèm theo giấy tờ, các tài liệu liên quan và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp nguyên đơn (ông Phạm Văn D) trình bày:

Ngày 04 tháng 01 năm 2018 ông Nguyễn Văn N và vợ là bà Trần Thị H đến Quỹ tín dụng nhân dân Đ làm thủ tục vay tiền, mục đích là đầu tư chăn nuôi. Theo hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/ HĐTD đã ký ngày 27 tháng 12 năm 2017, kỳ hạn 24 tháng, ngày đến hạn 27 tháng 12 năm 2019. Số tiền vay là: 175.000.000đ (Một trăm

bảy mươi lăm triệu đồng chẵn) lãi suất là 0,95 %/tháng. Được bảo đảm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng thế chấp số 594/HĐTC ngày 27 tháng 12 năm 2017 bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất.

Số tiền lãi đã trả của hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD là 11.588.000đ (Mười một triệu năm trăm tám tám nghìn đồng) trả lãi đến ngày 27 tháng 7 năm 2018. Hiện nay đã quá hạn nợ gốc là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng) từ ngày 27 tháng 12 năm 2019, số tiền lãi trong hạn còn phải nộp tính đến ngày 23/5/2022 là 28.866.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) số lãi quá hạn gốc và lãi chậm trả tạm tính đến ngày 23/5/2022 là 83.7133.000đ (Tám mươi ba triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng) gia đình ông N, bà H không thanh toán nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ. Trong quá trình vay cũng như đến hạn trả nợ cán bộ Quỹ tín dụng đến gia đình thông báo, đôn đốc, lập biên bản hẹn ngày trả nợ tiền cho quỹ tín dụng Đông Lỗ, nhưng hộ gia đình ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị H không hợp tác làm việc trả nợ như đã cam kết.

Quỹ tín dụng nhân dân Đ đề N Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà giải quyết những vấn đề sau:

Buộc ông Nguyễn Văn N và vợ là bà Trần Thị H phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 23/5/2022 là 287.579.000 **đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), trong đó gồm vốn gốc là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 112.579.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

Ông Nguyễn Văn N và vợ là bà Trần Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD đã ký ngày 27 tháng 12 năm 2017, tính kể từ ngày 24/5/2022 đến ngày trả hết nợ.

Trường hợp ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 0; tờ bản đồ số 0; diện tích 331 m² (Ba trăm ba mươi một mét vuông); địa chỉ thửa đất Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM081937 do Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hoà cấp ngày 26 tháng 05 năm 2008 cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông N, bà H để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ theo quy định pháp luật.

Bị đơn (ông Nguyễn Văn N) trình bày: Ông xác định chỉ là người vay hộ ông Nguyễn Văn Hùng và bà Nguyễn Thị Bích là anh trai và chị dâu của ông. Ông H có mượn của ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông có ký kết hồ sơ vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân Đ. Người nhận tiền vay là ông H, bà B nên ông H, bà B phải có trách nhiệm trả nợ, ông không đồng ý trả Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền vay theo hợp đồng tín dụng. Ông N xác định Hợp đồng thế chấp là do ông N và bà H là người ký thế chấp, hợp đồng tín dụng cũng do ông N, bà H ký nhận.

Bị đơn (bà Trần Thị H): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, cũng không gửi văn bản, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đối với nguyên đơn cơ bản đúng quy định, đối với bị đơn chưa chấp hành đầy đủ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470; Điều 317; Điều 318; Điều 319; khoản 2 Điều 357; Điều 288; Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 26; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ;

1. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/ HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2017, tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là: 287.579.000 **đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*), trong đó gồm vốn gốc là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 112.579.000đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2. Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2017, tính kể từ ngày 24/5/2022 đến ngày trả hết nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì thì Quỹ tín dụng nhân dân Đ được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa tiến hành kê biên, phát mại các tài sản sau đây để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 0; tờ bản đồ số 0; diện tích 331 m² (Ba trăm ba mươi một mét vuông); địa chỉ thửa đất Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM081937 do Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp ngày 26 tháng 05 năm 2008 cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H (đã được thẩm định ngày 17/5/2022).

- Về chi phí thẩm định tài sản: Quỹ tín dụng nhân dân Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí, nên không đặt ra việc bên nào phải chịu chi phí thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: **Áp dụng Điều 26** của N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H phải liên đới chịu 14.379.000đ (Mười bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Quỹ tín dụng nhân dân Đ không

phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.490.000đ (Sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007703 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 09/9/2021 của Quỹ tín dụng nhân dân Đ đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H đã được Toà án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt; đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp:*

[2].1. Xét việc Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H phải liên đới thanh toán trả tiền vay còn nợ của hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2017; Tổng dư nợ gốc tính đến 23/5/2022 là: 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 112.579.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng); Tổng nghĩa vụ phải trả là: 287.579.000 **đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*) theo hợp đồng mà hai bên đã ký kết nêu trên thấy rằng: Tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định sau khi ông N, bà H và Quỹ tín dụng nhân dân Đ thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng nêu trên, Quỹ tín dụng nhân dân Đ đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay là giao tổng số tiền cho vay gốc theo thỏa thuận cho ông N, bà H. Ông N cũng xác nhận ông N và bà H là người ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp với Quỹ tín dụng nhân dân Đ. Quá trình trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm (23/5/2022), tổng số tiền ông N, bà H còn nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Đ tại hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD cụ thể là: vốn gốc: 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 112.579.000đ (Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng); Tổng nghĩa vụ phải trả là: 287.579.000 **đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*). Phía ông N xác định người nhận tiền vay của Quỹ tín dụng là vợ chồng anh trai, chị dâu ông N là ông H và bà B, ông N chỉ là người cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông H, bà B vay tiền, nhưng trên thực tế thì hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là do ông N và bà H là người vay tiền và thế chấp tài sản cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ; trong hồ sơ vay vốn cũng không có tên ông H, bà B tham gia thỏa thuận, ký kết gì với Quỹ tín dụng nhân dân Đ; ông N, bà H cũng không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh ông H, bà B là người

vay tiền của Quỹ tín dụng theo hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD. Do đó có căn cứ xác định ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H là người vay tiền của Quỹ tín dụng nhân dân Đ theo hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD, đến nay còn nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền vay cụ thể là: vốn gốc: 175.000.000đ; Lãi trong hạn 28.866.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng); Lãi quá hạn: 83.7133.000đ (Tám mươi ba triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng); Tổng nghĩa vụ phải trả là: 287.579.000 **đồng** (*Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng*). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ là có căn cứ, cần buộc ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền gốc và lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

[2].1. Xét việc Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị H tiếp tục trả tiền chậm trả lãi, lãi quá hạn theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc, thấy rằng: Giữa Quỹ tín dụng nhân dân Đ và ông N, bà H đã thỏa thuận và ký kết trong hợp đồng về việc trả lãi theo các điều khoản quy định cụ thể trong hợp đồng, thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật, vì vậy ông N, bà H vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền phạt chậm trả lãi, lãi quá hạn theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, tính kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày trả hết nợ gốc.

[2].2. Xét việc Quỹ tín dụng nhân dân Đ yêu cầu trong trường hợp ông Nguyễn Văn N, bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ, bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 0; tờ bản đồ số 0; diện tích 331 m² (Ba trăm ba mươi một mét vuông); địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM081937 do Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hoà cấp ngày 26 tháng 05 năm 2008 cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa Quỹ tín dụng nhân dân Đ và ông N, bà H đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để bảo đảm cho khoản vay của ông N, bà H vay vốn của Quỹ tín dụng. Hợp đồng thế chấp này phù hợp với các quy định về thế chấp tài sản quy định trong Bộ luật dân sự. Vì vậy, các bên phải chấp hành theo các thỏa thuận đã ký kết.

[2].2. Về chi phí thẩm định tài sản: Quỹ tín dụng nhân dân Đ tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, nên không đặt ra việc bên nào phải chịu chi phí thẩm định tài sản theo quy định của pháp luật.

[3]. *Về án phí*: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463; 466; 468; 470; Điều 317; Điều 318; Điều 319; khoản 2 Điều 357; Điều 288; Điều 688 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân

và gia đình; Khoản 3 Điều 26; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân Đ;

1. Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền còn nợ của hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2017, tổng số tiền gốc và lãi còn nợ là: 287.579.000 **đồng** (Bằng chữ: Hai trăm tám mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng), trong đó gồm vốn gốc là 175.000.000đ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), lãi trong hạn và lãi quá hạn là: 112.579.000đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

2. Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 2017-2-00360/HĐTD ngày 27 tháng 12 năm 2017, tính kể từ ngày 24/5/2022 đến ngày trả hết nợ.

3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì thì Quỹ tín dụng nhân dân Đ được quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa tiến hành kê biên, phát mại các tài sản sau đây để thu hồi nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Đ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 0; tờ bản đồ số 0; diện tích 331 m² (Ba trăm ba mươi một mét vuông); địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã Đ, huyện H, tỉnh B; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM081937 do Ủy ban nhân dân huyện Hiệp Hòa cấp ngày 26 tháng 05 năm 2008 cho ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H (đã được thẩm định ngày 17/5/2022- có sơ đồ kèm theo).

Về án phí: **Áp dụng Điều 26** của N quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H phải liên đới chịu 14.379.000đ (Mười bốn triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Quỹ tín dụng nhân dân Đ không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Quỹ tín dụng nhân dân Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.490.000đ (Sáu triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007703 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn